TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17/3/2023
V/v tranh chấp *"Ly hôn"*.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Duy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Võ Thị Lệ.
2. Bà Nguyễn Thị Loan.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa: ông Trịnh Thanh Dũ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 342/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022, về việc tranh chấp:*"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kim H, sinh năm 1991. *(Xin vắng mặt)*
Địa chỉ: Ấp 7, xã NC, huyện BL, tỉnh LA.

2. Bị đơn: Anh Đoàn Văn U, sinh năm 1974. *(vắng mặt)*
Địa chỉ: Ấp 5, xã TP, huyện GCĐ, tỉnh TG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn ngày 11/7/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Kim H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh U tiến đến hôn nhân từ trên cơ sở tự nguyện có tổ chức lễ cưới năm vào tháng 01/2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phước vào năm 2011. Sau khi cưới anh chị về sinh sống ở nhà cha mẹ ruột của anh U tại ấp 5, xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông. Quá trình chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh U có tình cảm với người phụ nữ khác nên sau đó chị và anh U thường xuyên

cãi nhau, sau đó anh U bỏ nhà đi đến giữa năm 2012 thì chị về nhà của cha mẹ ruột tại ấp 7, xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An cho đến nay. Chị và anh U đã ly thân từ thời điểm đó cho đến nay và cũng từ thời điểm đó anh chị không có trao đổi hàn gắn tình cảm. Nay tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh Đoàn Văn U.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Đoàn Lê K, sinh ngày 24/10/2009 và Đoàn Lê Nhật Vy, sinh ngày 21/7/2011. Hiện nay, con chung đang sống với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, Nhật Vy và chị không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi cháu K, Nhật Vy.

- Về tài sản chung: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đoàn Văn U vắng mặt không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn dù đã được Tòa án triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.*

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Kim H cho chị H được ly hôn với anh Đoàn Văn U.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Đoàn Lê Khánh V, sinh ngày 24/10/2009 và Đoàn Lê Nhật V, sinh ngày 21/7/2011 cho chị Lê Thị Kim H được tiếp tục nuôi dưỡng, anh Đoàn Văn U không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp *"Ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Kim H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Đoàn Văn U vắng mặt không lý do dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh U tham gia phiên tòa lần thứ hai, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Công

Đông không có ý kiến về việc vắng mặt nguyên đơn chị Lê Thị Kim H, bị đơn anh Đoàn Văn U và đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh U kết hôn vào tháng 01 năm 2008 hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 65, ngày 13/06/2011 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị H, căn cứ vào lời khai của chị H và kết quả xác minh tại địa phương, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân của vợ chồng chị đã phát sinh mâu thuẫn từ giữa năm 2011, nguyên nhân do anh U có tình cảm với người phụ nữ khác, nên chị và anh U thường xuyên cãi nhau, sau đó anh U bỏ nhà đi. Đến giữa năm 2012 thì chị về nhà của cha mẹ ruột tại ấp 7, xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An cho đến nay. Chị và anh U đã ly thân từ thời điểm đó cho đến nay và cũng từ thời điểm đó anh chị không có trao đổi hàn gắn tình cảm. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh U không đến Tòa án, không phản đối yêu cầu ly hôn của chị H nên căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự xem như anh U mặc nhiên thừa nhận vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn như chị H trình bày, nay anh U không muốn hàn gắn tình cảm và cũng không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Từ những tình tiết nêu trên, có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn với anh U là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh U có 02 con chung tên Đoàn Lê K, sinh ngày 24/10/2009 và Đoàn Lê Nhật V, sinh ngày 21/7/2011. Xét thấy, hiện nay cháu K, cháu Nhật V đang sống với chị H. Anh U không đến tham gia phiên tòa cũng không có văn bản trình bày ý kiến về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung chứng tỏ anh U không có ý kiến về việc chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, cháu Nhật V. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu K, cháu Nhật V theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của chị H về việc được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu K, cháu Nhật V là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần giao con chung tên Đoàn Lê K, sinh ngày 24/10/2009 và Đoàn Lê Nhật V, sinh ngày 21/7/2011 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh U cấp dưỡng đối với cháu K, Nhật V và anh U cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử nhận thấy anh U chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H chưa có yêu cầu là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết anh U cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về việc này nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[2.4] Về án phí: Chị H có yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2.5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Kim H, cho chị H được ly hôn với anh Đoàn Văn U.

2. Về con chung: Giao con chung tên Đoàn Lê K, sinh ngày 24/10/2009 và Đoàn Lê Nhậtt V, sinh ngày 21/7/2011 cho chị Lê Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Đoàn Văn U không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Lê Thị Kim H chưa có yêu cầu.

Chị Lê Thị Kim H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Đoàn Văn U trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Kim H phải chịu 300.000 *(Ba trăm ngàn đồng)* đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 *(Ba trăm ngàn đồng)* đồng theo biên lai thu số 0028074 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông nên xem như chị H đã nộp đủ án phí.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND H.GCĐ;
- CC.THADS H.GCĐ;
- UBND xã Tân Phước;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Lê Ngọc Duy Linh